TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 331/2018/DS-PT
Ngày: 16/11/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội;

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 13 và 16/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2018/TLPT-DS, ngày 30/8/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 270/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị TM, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn TC, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M là ông Vũ TA, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 103, đường CL, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2017).

- *Bị đơn:* Bà Lê Kim Ch, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn TC, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ch là ông Nguyễn Sỹ L1, sinh năm 1958, địa chỉ: Thị trấn Thạch H1, huyện Thạch H1, tỉnh Hà T1 (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/10/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đặng Văn A, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn TC, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông A là ông Nguyễn Sỹ L1, sinh năm 1958, địa chỉ: Thị trấn Thạch H1, huyện Thạch H1, tỉnh Hà T1 (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/10/2018).

2. Ông Nguyễn Gia Đ1, sinh năm 1968 (Tên gọi khác: Tú).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn TC, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Định là ông Vũ TA, sinh năm 1970, địa chỉ: Số 103, đường CL, phường 3, Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/4/2018).

Theo đơn kháng cáo của bà Lê Kim Ch và ông Đặng Văn A.

(Ông TA và ông Sỹ L có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:* Vào ngày 18/8/2017 (âm lịch) (tức 07/10/2017 dương lịch) bà M có cho bà Ch vay 3.000.000.000đ, thỏa thuận mức lãi suất 2%/tháng, khi vay thì bà Ch nói là để đáo nợ Ngân hàng. Khi vay bà Ch có viết biên nhận, vay không thời hạn và hứa miệng trong vòng 01 tháng sẽ thanh toán tiền gốc và lãi cho bà M, tuy nhiên đến hạn thì bà Ch không trả gốc và lãi, bà Ch không thực hiện đúng lời hứa.

Đến ngày 18/9/2017 (âm lịch) tức 06/11/2017 (dương lịch), bà Ch có vay thêm của tôi 60.000.000đ, nói là có việc gấp cần để trả nợ. Khi vay tiền bà Ch có viết biên nhận, cam kết trả lãi 2%/tháng và hứa miệng trong vòng 02 ngày sẽ trả gốc và lãi nhưng đến nay cũng không thực hiện.

Như vậy, tổng cộng bà Ch vay số tiền gốc của bà M 3.060.000.000đ.

Bà M đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà Ch phải trả nợ gốc và lãi, nhưng bà Ch chỉ hứa cho qua chuyện mà không thực hiện, vì thế mà số tiền gốc và lãi của bà M đến nay vẫn còn nguyên. Nay bà M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết:

Buộc bà Lê Kim Ch và ông Đặng Văn A phải liên đới trả cho bà M số tiền nợ gốc 3.060.000.000đ và yêu cầu tính lãi của số tiền 3.000.000.000đ (từ ngày 18/8/2017 (âm lịch) tức ngày 07/10/2017 (dương lịch) đến ngày 20/7/2018 (dương lịch) là 09 tháng 13 ngày theo mức lãi suất l,67%/tháng, tiền lãi là 472.610.000đ và yêu cầu tính lãi của số tiền 60.000.000đ, từ ngày 18/9/2017 (âm lịch) tức ngày 06/11/2017 (dương lịch) đến ngày 20/7/2018 (dương lịch) là 08 tháng 14 ngày theo mức lãi suất 0.83%/tháng, tiền lãi là 4.426.400đ.

- *Bị đơn trình bày:*

+ Về yêu cầu khởi kiện của bà M, bà có ý kiến như sau:

Đối với số tiền 3.000.000.000đ, bà L2 đại diện theo ủy quyền của bà Ch cho rằng bà Ch vay bắt đầu vay từ tháng 3 năm 2016, tổng cộng là 6 lần vay, 6 biên nhận nhưng khi viết biên nhận ngày 18/7/2017 (âm lịch) thì đã xé các biên nhận trước đó nên không còn lưu lại, trong suốt thời gian vay bà Ch trả bà M được số tiền lãi tổng cộng 1.643.433.000đ và chỉ còn lưu lại 3 tờ giấy thể hiện đã đóng lãi. Cụ thể tờ giấy tập có nội dung: *củ 92.000.000đ + mới 60.000.000đ = 152.000.000đ ngày 18/8 âm lịch và tờ giấy kẽ ngang có nội dung: lời 62.000.000đ*

+ 9.000.000đ = 71.000.000đ và tờ giấy A4 có nội dung: lời…14/8AL/2017 100.000.000đ – 2.000.000đ….bắt đầu 18/8ÂL/2017. Tính tới. Bà cho rằng 3 tờ giấy này thể hiện tiền lời bà M nhận và cũng chính do bà M viết, bà yêu cầu xem xét khấu trừ lãi mà bà Ch đã đóng cho bà M. Đối với số tiền gốc 3.000.000.000đ thì bà Ch thừa nhận còn thiếu và đồng ý trả nợ một mình nhưng bà yêu cầu xem xét khấu trừ lãi, còn bao nhiêu thì bà đồng ý trả bấy nhiêu, chứ không có liên quan đến ông A vì khi vay bà Ch giấu ông A.

+ Về yêu cầu phong tỏa theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Các tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở do bà Lê Kim Ch đứng tên, theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2017/QĐ-BPKCTT ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện T gồm có: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01217, diện tích 76m^2, thửa số 24, tờ bản đồ số 49, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 40m^2, diện tích sàn 40m^2, nhà cấp 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp ngày 18/11/2014 do bà Lê Kim Ch đứng tên; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CHO 1216, diện tích 72m^2, thửa số 25, tờ bản đồ số 49, mục đích sử dụng; Đất ở tại đô thị. Nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 48m^2, diện tích sàn 118,6m^2, nhà cấp 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp ngày 18/11/2014, do bà Lê Kim Ch đứng tên và quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01215, diện tích 48m^2, thửa số 26, tờ bản đồ số 49, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 48m^2, diện tích sàn 82m^2, nhà cấp 4, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp ngày 18/11/2014, do bà Lê Kim Ch đứng tên. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01216 cấp ngày 18/11/2014, do bà Lê Kim Ch đứng tên, diện tích 72m^2, thửa số 25, tờ bản đồ số 49, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 48m^2, diện tích sàn 118,6m^2, nhà cấp 4. Về việc phong tỏa tài sản trên do bà Lê Kim Ch đứng tên để đảm bảo thi hành án bà thống nhất, không có ý kiến và yêu cầu gì. Tuy nhiên bà cho rằng trong tài sản nêu trên có 50% tài sản của ông A. Vì toàn bộ tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông A trình bày:* Bà M cho rằng ông A là chồng bà Ch biết rõ việc bà Ch vay tiền của bà M thể hiện qua việc ông A đã nhiều lần đến trực tiếp gặp bà M hoặc điện thoại cho bà M hứa cùng bà Ch sẽ thanh toán cho bà M là không đúng. Bà cho rằng bà Ch vay thì bà Ch có trách nhiệm trả, ông không biết và cũng không liên quan nên không đồng ý trả nợ, mặc dù ông có điện thoại xin khoanh nợ và trả từ từ nhưng ông cho rằng ai vay thì người đó trả.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ1 trình bày:* Ông Đ1 thống nhất theo lời trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Thị TM, thống nhất để bà M toàn quyền quyết định, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

* Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị TM đối với bà bà Lê Kim Ch và ông Đặng Văn A.

Buộc bà Lê Kim Ch và ông Đặng Văn A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị TM số tiền vay gốc còn thiếu là 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng) và tiền lãi là 472.610.000đ. Tổng cộng: 3.472.610.000đ (Ba tỷ, bốn trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị TM yêu cầu ông Đặng Văn A và bà Lê Kim Ch trả số tiền vay là 60.000.000đ và tiền lãi là 4.216.400đ. Tổng cộng gốc và lãi là 64.216.400đ (Sáu mươi bốn triệu, hai trăm mười sáu, bốn trăm đồng).

3. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2017/QĐ-BPKCTT ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật để đảm bảo thi hành án.

4. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị TM được nhận lại toàn bộ số tiền đã nộp là 275.000.000đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng), tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện T, theo quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 12/2017/QĐ-BPBĐ, ngày 22/11/2017 của Tòa án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, lãi chậm trả theo quy định, thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

* Sau khi án sơ thẩm tuyên bà Lê Kim Ch và ông Đặng Văn A kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét:

1. Chấp nhận số tiền lãi mà bà Ch đã trả cho bà M là 1.643.433.000đ để khấu trừ vào lãi và vốn.

2. Không buộc ông A liên đới trả nợ vay cho bà M.

3. Không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để thi hành án cho bà M mà phong tỏa tài sản để trả nợ cho nhiều người đã được Tòa án giải quyết xong.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà Ch và ông A rút yêu cầu kháng cáo đối với số tiền lãi mà bà Ch đã trả cho bà M là 1.643.433.000đ, không yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết. Số tiền vay nợ này chỉ có một mình bà Ch vay, không liên quan gì tới ông A, nên ông A không phải liên đới trả. Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm và hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, vì cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiệm trọng thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án. Lý do, trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản thì số tài sản này bà Ch và ông A đã chuyển nhượng hợp pháp cho ông Lê Anh Kh, hợp đồng đã công chứng chức thực, đã giao nhận tiền, khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không đưa ông Kh vào tham gia tố tụng là thiếu tư cách đương sự, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các bên.

+ Bà M rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 60.000.000đ và lãi mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên không chấp nhận phần này. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý xem xét giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy ông Lê Anh Kh có đơn khiếu nại đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, tài sản bị phong tỏa này đã chuyển nhượng cho ông Kh trước khi Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Đây là tình tiết mới phát sinh mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Ch, ông A được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Ch và ông A:

- Thứ nhất: Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận số tiền lãi mà bà Ch đã trả cho bà M là 1.643.433.000đ để khấu trừ vào lãi và vốn. Tại Tòa án cấp phúc thẩm bà Ch và ông A rút phần kháng cáo này, nên HĐXX chấp nhận không xem xét giải quyết phần này.

- Thứ hai: Đối với yêu cầu kháng cáo không buộc ông A liên đới trả nợ vay cho bà M. Bà Ch thống nhất thiếu nợ bà M và thống nhất trả 01 mình không liên quan gì đến ông A. Xét thấy, mặc dù ông A trình bày là không biết việc bà Ch vợ mình vay tiền của bà M, tuy nhiên cũng theo trình bày của ông A thì gia đình ông A có 03 nguồn thu nhập chính đó là lương của ông làm việc tại rừng Quốc gia TC, tiền bán nước giải khát tại nhà và tiền lãi lời mà vợ ông là bà Ch cho người khác vay tiền. Đối với tiền bán nước giải khát và tiền lãi lời mà bà Ch cho người khác vay thì ông A thống nhất giao cho bà Ch tự quản lý và tính toán, ông không tham gia. Như vậy ông A thống nhất là giao cho bà Ch tự quản lý, tính toán chứ không phải là giao cho bà Ch làm kinh tế riêng cho mình, mà nguồn thu nhập này cũng là nguồn thu nhập kinh tế chung cho gia đình. Hơn nửa theo trình bày của ông Nguyễn Sỹ L1 (đại diện ủy quyền của ông A và bà Ch) thì bà Ch và bà M đã có mối quan hệ làm ăn tiền bạc từ nhiều năm nay, nhà bà M cũng ở gần nhà ông A bà Ch và thường xuyên qua lại, ông A cũng biết mối quan hệ làm ăn này giữa bà M và bà Ch. Khi biết sự việc thì ông A có gọi điện thoại cho bà M và ông thống nhất là để gia đình ông từ từ sắp xếp trả nợ cho bà M. Từ những căn cứ nêu trên thì ông A cũng phải có nghĩa vụ liến đới trả những khoản nợ mà vợ mình đã vay để cho người khác vay lại.

Nay ông không thống nhất liên đới trả nợ cùng vợ mình là bà Ch là không có cơ sở để chấp nhận từ những căn cứ nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông A liên đới trả nợ là có cơ sở.

- Thứ ba: Đối với yêu cầu kháng cáo hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản của Tòa án cấp sơ thẩm. HĐXX xét thấy, tại Tòa án cấp phúc thẩm bị đơn có cung cấp hợp đồng chuyển nhượng QSD đất đối với tài sản đang bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời với ông Lê Anh Kh (không phải là đương sự trong vụ án) và ông Kh cũng có đơn khiếu nại yêu cầu hủy quyết định này, với lý do là trước khi Tòa án ra quyết định phong tỏa tài sản thì ông A và bà Ch đã chuyển nhượng cho ông Kh rồi, hai bên có làm hợp đồng được công chứng tại Phòng Công chứng, khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo cho ông Kh biết và không đưa ông vào tham gia vụ án làm ảnh hưởng tới quyền lợi của ông. Xét thấy yêu cầu này là không có cơ cở để chấp nhận. Tại vì, theo trình bày của ông Kh, ông A và bà Ch thì ông Kh có biết việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản mà mình chuyển nhượng, nhưng ông Kh, bà Ch, ông A không thông báo cho Tòa án biết và cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết việc này trong suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm. Hơn nửa hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất này chưa phát sinh hiệu lực pháp luật do chưa đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và khi làm hợp đồng chuyển nhượng này chỉ có chứng thực chử ký của bà Ch, trong khi các bên thừa nhận số tài sản này là của chung vợ chồng ông A và bà Ch.

Nay bà Ch, ông A yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không có cơ sở để chấp nhận. Trường hợp ông Kh, bà Ch và ông A có tranh chấp đối với hợp đồng chuyển nhượng này thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác để yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là có căn cứ.

[3] Tại cấp phúc thẩm, bà M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 60.000.000đ và lãi mà bà Ch vay ngày 18/9/2017 (âm lịch) tức 06/11/2017 (dương lịch). Xét thấy, yêu cầu khởi kiện này của bà M Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết là không chấp nhận, bà M và các đương sự khác đều không kháng cáo đối với phần này. Như vậy bà M đã thống nhất với bản án sơ thẩm nên yêu cầu này không xem xét giải quyết tại cấp phúc thẩm.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ch và ông A, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Ch phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Ông A là thân nhân liệt sĩ nên được miễn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 148, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Kim Ch và ông Đặng Văn A. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị TM đối với bà Lê Kim Ch và ông Đặng Văn A. Buộc bà Lê Kim Ch và ông Đặng Văn A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị TM số tiền vay gốc còn thiếu là 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng) và tiền lãi là 472.610.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 3.472.610.000đ (Ba tỷ, bốn trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị TM yêu cầu ông Đặng Văn A và bà Lê Kim Ch trả số tiền vay là 60.000.000đ và tiền lãi là 4.216.400đ, tổng cộng gốc và lãi là 64.216.400đ (Sáu mươi bốn triệu, hai trăm mười sáu, bốn trăm đồng).

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2017/QĐ-BPKCTT ngày 23/11/2017 về việc phong tỏa tài sản của Tòa án nhân dân huyện T để đảm bảo việc thi hành án.

- Bà Nguyễn Thị TM được nhận lại toàn bộ số tiền đảm bảo đã nộp là 275.000.000đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng), tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 12/2017/QĐ-BPBĐ, ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

2. Về án phí dân sự:

+ Ông Đặng Văn A và bà Lê Kim Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 101.452.000đ và 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng ông Đặng Văn A là thân nhân liệt sĩ nên được miễn nộp tiền án phí phần của ông A là 50.876.000đ. Bà Lê Kim Ch phải nộp tiền án phí dân sự là 50.876.000đ. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001604 ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành dân sự huyện T. Bà Ch còn phải nộp tiếp tiền án phí là 50.576.000đ.

+ Bà Nguyễn Thị TM phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 3.210.000đ. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.152.000đ theo biên lai thu số 17151 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Bà M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 43.942.000đ.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện T;
- Ch cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu HSVA (A).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Mỹ